TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)
Phần A.III,IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Nông Thị Huyền My	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Hoàng Thị Chao	6,75	Sáu phẩy bảy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	7,00	Bảy
3	Lôi Thị Chao	6,50	Sáu phẩy năm	43	Lý Thị Mùi	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Trần Huệ Chi	6,75	Sáu phẩy bảy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	8,00	Tám
5	Đàm Quang Chiến	7,00	Bảy	45	Nông Thị Ngâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,00	Bảy	46	Dương Thị Nghiệp	7,00	Bảy
7	Đàm Đức Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	47	Nguyễn Thị Nhã	6,25	Sáu phẩy hai năm
8	Phạm Ngọc Điệp	7,50	Bảy phẩy năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nguyễn Minh Đoàn	7,25	Bảy phẩy hai năm	49	Ma Thị Oanh	6,50	Sáu phẩy năm
10	Lã Thị Giang	8,00	Tám	50	Lý Thị Phúc	7,25	Bảy phẩy hai năm
11	Đinh Văn Giáp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	8,00	Tám	52	Hoàng Hải Quý	7,00	Bảy
13	Hoàng Thị Thanh Hà	6,00	Sáu	53	Phùng Thị Quỳnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,00	Bảy	54	Nông Công Sỹ	6,00	Sáu
15	Nông Thị Hằng	7,00	Bảy	55	Phạm Thị Tài	6,50	Sáu phẩy năm
16	Vũ Thị Hằng	7,00	Bảy	56	Chu Văn Tình	5,50	Năm phẩy năm
17	Đỗ Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	58	Nông Quốc Thắng	8,00	Tám
19	Hoàng Thị Thu Hiền	6,75	Sáu phẩy bảy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	7,50	Năm phẩy năm
20	Lục Minh Hiền	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Lục Xuân Trường	7,00	Bảy
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,50	Năm phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
22	Hoàng Thị Hoan	7,25	Bảy phẩy hai năm	62	Mã Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	63	La Thị Minh Thứ	7,50	Năm phẩy năm
24	Vũ Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	64	Lại Thị Minh Thúy	6,75	Sáu phẩy bảy năm
25	Đồng Thanh Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Bế Thị Thanh Thủy	7,00	Bảy
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	6,50	Sáu phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,25	Bảy phẩy hai năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,25	Tám phẩy hai năm
29	Nông Thu Hương	7,00	Bảy	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hường	7,00	Bảy	70	Lương Quang Tuấn	7,50	Năm phẩy năm
31	Lục Đức Khánh	7,50	Năm phẩy năm	71	Nguyễn Thị Tuyển	6,25	Sáu phẩy hai năm
32	Lục Thị Kiều	7,00	Bảy	72	Nông Thị Tuyết	8,00	Tám
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bế Xuân Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Phan Khánh Linh	8,00	Tám	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Phan Thị Liên	7,00	Bảy	76	Nguyễn Hải Yến	6,50	Sáu phẩy năm
37	Hoàng Thị Liền	7,00	Bảy	77	Đàm Thị Yến	6,50	Sáu phẩy năm
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Đinh Thị Lụa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	79	Lương Thị Hải Yến	6,25	Sáu phẩy hai năm
40	Hà Vũ Mạnh	7,25	Bảy phẩy hai năm				

Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 03điểm; Điểm 6,75: 06 điểm Điểm 7,00: 17 điểm; Điểm 7,25: 14 điểm; Điểm 7,50: 09 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 13 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Bế Thị Hương	Đoàn Thị Vân Thúy	Trịnh Thị Ánh Hoa

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG